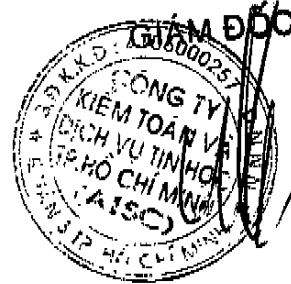


TP/HCM Ngày 28/4/2008

BẢN SAO



Nguyễn Hữu Trí

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN KẾT THÚC NGÀY 31/12/2007

SỐ: 010820-TH/AISC-DN

**CÔNG TY CP SXKD XNK DV & ĐT TÂN BÌNH
(TANIMEX)**

CÔNG TY CP SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH (TANIMEX)

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị	1 – 4
Báo cáo kiểm toán	5 – 6
Bảng cân đối kế toán	7 – 11
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	12
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	13 – 14
Thuyết minh báo cáo tài chính	15 – 43

CÔNG TY CP SXKD XNK DỊCH VỤ & ĐẦU TƯ TÂN BÌNH**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC****Niên độ kế toán kết thúc ngày 31/12/2007**

Hội Đồng Quản Trị trình bày báo cáo này kết hợp với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của CÔNG TY CP SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH niên độ kế toán kết thúc ngày 31/12/2007.

1. Giấy phép thành lập

Công Ty CP SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH (TANIMEX) được chuyển thể từ Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu dịch vụ và đầu tư Tân Bình. Đăng ký kinh doanh số 4103005032, do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 18/07/2006; và 2 lần đăng ký thay đổi kinh doanh là bổ sung ngành nghề kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp từ ngày 06/09/2006 đến ngày 19/10/2006.

2. Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám Đốc và Ban Kiểm Soát

Các thành viên Hội Đồng Quản Trị đang tại chức vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

- | | |
|--------------------------|--------------------------------|
| 1. Ông Nguyễn Minh Tâm | Chủ tịch Hội đồng quản trị |
| 2. Ông Nguyễn Văn Ngoãn | Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị |
| 3. Ông Lê Trọng Lập | Thành viên Hội đồng quản trị |
| 4. Ông Vương Thiên Báu | Thành viên Hội đồng quản trị |
| 5. Ông Trần Quang Trường | Thành viên Hội đồng quản trị |
| 6. Ông La Ngọc Thông | Thành viên Hội đồng quản trị |

Các thành viên Ban Tổng Giám Đốc đang tại chức vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

- | | |
|--------------------------|-------------------|
| 1. Ông Nguyễn Minh Tâm | Tổng Giám đốc |
| 2. Ông Nguyễn Văn Ngoãn | Phó Tổng Giám đốc |
| 3. Ông Lê Trọng Lập | Phó Tổng Giám đốc |
| 4. Ông Trần Quang Trường | Phó Tổng Giám đốc |
| 5. Ông Vương Thiên Báu | Kế toán trưởng |

Các thành viên Ban Kiểm soát đang tại chức vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

- | | |
|---------------------------|--------------------------|
| 1. Ông Võ Chí Thanh | Trưởng Ban Kiểm soát |
| 2. Bà Nguyễn Thị Minh Anh | Thành viên Ban kiểm soát |
| 3. Ông Phạm Quang Thanh | Thành viên Ban kiểm soát |

3. Trụ sở hoạt động

Trụ sở hoạt động của Công ty : 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TPHCM.

CÔNG TY CP SXKD XNK DỊCH VỤ & ĐẦU TƯ TÂN BÌNH**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC****Niên độ kế toán kết thúc ngày 31/12/2007**

4. Đặc điểm và tình hình hoạt động

- Hình thức hoạt động: Công ty cổ phần.
- Hoạt động chính của Công ty là:
 - Sản xuất hàng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp phục vụ tiêu dùng nội địa và xuất khẩu.
 - Xuất khẩu hàng nông lâm thủy hải sản, hàng công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, rau quả và thực phẩm chế biến.
 - Nhập khẩu nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị, hàng tiêu dùng, phụ liệu phụ tùng, vật liệu xây dựng, trang trí nội thất, phương tiện giao thông vận tải.
 - Dịch vụ nhà hàng, khách sạn, Kinh doanh du lịch, lữ hành nội địa, quốc tế.
 - Đầu tư và hợp tác sản xuất hàng xuất khẩu, Đầu tư và hợp tác xây dựng: nhà, xưởng sản xuất các mặt hàng để xuất khẩu.
 - Sản xuất thuốc lá điếu. Mua bán thuốc lá điếu sản xuất trong nước. Sản xuất kinh doanh cây dầu lọc (thuốc lá điếu).
 - Thi công xây dựng: các công trình dân dụng và công nghiệp, các công trình giao thông, cấp thoát nước và cây xanh (gồm mới và duy tu), các công trình thủy lợi, hệ thống chiếu sáng.
 - Đại lý bán lẻ xăng, dầu, gas, nhớt và dầu mỡ, sang chiết gas.
 - Kinh doanh kho hàng, xưởng sản xuất và giao nhận hàng. Khai thác và mua bán nước ngầm. Dịch vụ: thể dục, thể thao (sân tennis, hồ bơi và các loại hình thể dục, thể thao giải trí khác). Thu gom và vận chuyển rác.
 - Sản xuất, gia công khung kèo thép, các sản phẩm cơ khí phục vụ sản xuất, xây dựng và tiêu dùng. Lắp dựng khung kèo thép. Sơn lắp mặt bằng. Vận chuyển hàng hoá, đại lý vận tải. Mua bán vật tư phục vụ nuôi trồng thủy sản. Kinh doanh công viên cây xanh (trồng cây, chăm sóc cây xanh).
 - Đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà ở, siêu thị, cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp.
 - Duy tu nạo vét cống rãnh. Cho thuê xe du lịch và xe tải. Mua bán lương thực, thực phẩm, quần áo, văn phòng phẩm, mỹ phẩm, hàng gia dụng, điện, điện tử, các mặt hàng nhu yếu phẩm.
 - Sản xuất và mua bán nước tinh khiết. Sản xuất suất ăn công nghiệp. Đại lý bảo hiểm. Đại lý dịch vụ bưu chính viễn thông. Dịch vụ rửa xe. Kinh doanh vận chuyển hành khách theo hợp đồng. Mua bán các loại hoá chất (trừ hoá chất có tính độc hại mạnh), mỹ phẩm. Sản xuất, chế biến và mua bán các loại thực phẩm, thức ăn gia súc, thủy hải sản.
 - Tư vấn du học, đào tạo dạy nghề. Mua bán thiết bị xử lý môi trường. Sửa chữa, bảo trì ô tô và xe cơ giới các loại, Tư vấn cung cấp giải pháp công nghệ và thi công các hệ thống xử lý nước thải, nước tinh khiết, rác, khí thải và các tác nhân gây ô nhiễm môi trường.

CÔNG TY CP SXKD XNK DỊCH VỤ & ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Niên độ kế toán kết thúc ngày 31/12/2007

- Trồng rừng. Khai thác cát đen. Khai thác đất sét. Sản xuất gạch ngói và nguyên vật liệu xây dựng. Lập tổng dự toán và dự toán công trình. Tư vấn đầu thầu. Tư vấn đầu tư (trừ đầu tư tài chính). Lập dự án đầu tư. Thẩm tra thiết kế và dự toán.
 - Khai thác và xử lý nước ngầm. Đại lý vé máy bay. Đầu tư xây dựng và cho thuê văn phòng. Gia công xuất khẩu ngành hàng giày dép, may mặc (không trồng rừng, khai thác: cát đen, đất sét, khoáng sản, gạch ngói, vật liệu xây dựng, chế biến thực phẩm tươi sống, khoáng sản, gia công giày dép, may mặc tại trụ sở).
 - Mua bán nguyên liệu thuốc lá và các loại vật tư, phụ liệu thuốc lá.
 - Dịch vụ quảng cáo thương mại. Dịch vụ giao nhận hàng hoá xuất nhập khẩu và khai thuế hải quan.
- Tổng số công nhân viên vào thời điểm 31/12/2007 : 196 người.
Trong đó, nhân viên quản lý: 196 người.

5. Tình hình tài chính và Kết quả hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2007, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kế toán kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này, từ trang 07 đến trang 43.

6. Kiểm toán

Công ty Kiểm toán & Dịch vụ Tin học (AISC) được chỉ định thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của CÔNG TY CP SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31/12/2007.

7. Cam kết của Hội Đồng Quản Trị và Ban Giám Đốc

Hội Đồng Quản Trị và Ban Giám Đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 và kết quả kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ của niên độ kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Hội Đồng Quản Trị và Ban Giám Đốc cam kết:

- Chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và ước lượng một cách hợp lý và thận trọng; và
- Soạn lập các báo cáo tài chính trên cơ sở doanh nghiệp hoạt động liên tục trừ khi không thích hợp để cho là Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Hội Đồng Quản Trị và Ban Giám Đốc chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các báo cáo tài chính. Hội Đồng Quản Trị và Ban Giám Đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng hệ thống kế toán đã đăng ký với Bộ tài chính đã được tuân theo.

CÔNG TY CP SXKD XNK DỊCH VỤ & ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

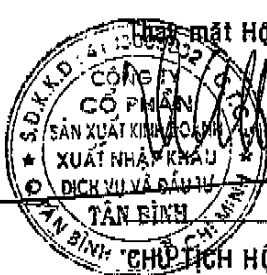
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Niên độ kế toán kết thúc ngày 31/12/2007

Hội Đồng Quản Trị và Ban Giám Đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

8. Xác nhận của Hội Đồng Quản Trị

Chúng tôi xin tuyên bố rằng, các báo cáo tài chính được trình bày kèm theo báo cáo này đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của CÔNG TY CP SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 và kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ của niên độ kết thúc cùng ngày phù hợp với các chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành tại nước CHXHCN Việt Nam.

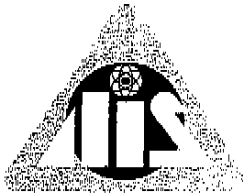


Đại diện Hội Đồng Quản Trị

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

NGUYỄN MINH TÂM

TP Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2008



CÔNG TY KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC

Auditing & Informatic Services Company

Office: 142 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh

Tel: (84.8) 9305163 (10 Lines)

Fax: (84.8) 9304281

Email: aisc@hcm.vnn.vn

Website: www.aisc.com.vn



Số: 010820-TH /AISC-DN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN KẾT THÚC NGÀY 31/12/2007 CÔNG TY SXKD XNK DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH (TANIMEX)

Kính gửi: - Hội đồng quản trị

- Ban Giám đốc Công Ty CP SXKD XNK Dịch Vụ Và Đầu Tư Tân Bình (TANIMEX)

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính từ trang 07 đến trang 43 của CÔNG TY CP SXKD XNK DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31/12/2007.

Trách nhiệm của Ban Giám Đốc đối với các báo cáo tài chính

Ban Giám Đốc của Công ty chịu trách nhiệm soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính này theo Các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành tại nước CHXHCN Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc soạn lập và trình bày hợp lý báo cáo tài chính không bị sai phạm trọng yếu do gian lận hoặc sai sót; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên đối với các báo cáo tài chính

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này căn cứ vào việc kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực đó yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các tiêu chí đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng liệu các báo cáo tài chính có sai phạm trọng yếu không.

Cuộc kiểm toán bao hàm việc thực hiện các thủ tục kiểm toán nhằm thu được các bằng chứng về các số liệu và thuyết minh trong báo cáo tài chính. Những thủ tục kiểm toán được chọn lựa phụ thuộc vào phán đoán của kiểm toán viên, bao gồm cả việc đánh giá các rủi ro các báo cáo tài chính xem có sai phạm trọng yếu do gian lận hoặc sai sót hay không. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro đó, kiểm toán viên xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc Công ty soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính để thiết lập các thủ tục kiểm toán thích hợp cho từng trường hợp, nhưng không nhằm mục đích đưa ra tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán mà Hội đồng Quản trị đã thực hiện, cũng như cách trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng mà chúng tôi thu được đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trang 5

Branch In Hà Nội : 24/2 Room, 24 Floor - E9 Lot, VIMECO Building, Phạm Hùng St, Cầu Giấy Dist, Hà Nội

Branch In Đà Nẵng : 92 A Quang Trung St, Hải Châu Dist, Đà Nẵng

Representative in Cần Thơ : 64 Nam Kỳ Khởi Nghĩa St, Ninh Kiều Dist, Cần Thơ

Representative In Hải Phòng : 21 Lương Khánh Thiện St, Ngô Quyền Dist, Hải Phòng

Tel : (04) 7820 045 /46 /47

Tel : (0511) 895 619

Tel : (071) 813 004

Tel : (031) 3920 797

Fax : (04) 7820 048

Fax : (0511) 895 620

Fax : (071) 828 765

Fax : (031) 3920 973

Email: aishn@hh.vnn.vn

Email: aisc@dn.vnn.vn

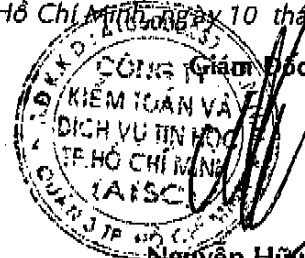
Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên mọi phương diện trọng yếu, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31/12/2007, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Kiểm toán viên

Dương Thị Phương Anh
Chứng chỉ KTV số: 0321/KTV
Do Bộ Tài Chính Việt Nam cấp.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2008

**Nguyễn Hữu Trí**

Chứng chỉ KTV số: 0476/KTV
Do Bộ Tài Chính Việt Nam cấp.

CÔNG TY CP SXKD XNK DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH (TANIMEX)

Mẫu số B01-DN

Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng BTC

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		375.326.554.424	419.21.138.856
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		29.958.714.046	280.895.550.994
1. Tiền	111	V.01	29.958.714.046	280.895.550.994
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	264.868.596.977	3.500.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		264.868.596.977	3.500.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		44.948.283.140	59.142.480.894
1. Phải thu khách hàng	131		2.903.819.696	19.859.233.384
2. Trả trước cho người bán	132		3.016.188.924	13.743.377.582
3. Phải thu nội bộ	133		-	21.583.135.455
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	39.028.274.520	4.556.734.473
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		33.609.921.286	40.605.643.185
1. Hàng tồn kho	141	V.04	33.609.921.286	40.605.643.185
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-

V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.941.038.975	35.277.463.783
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	569.455.373
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	3.015.408.443
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	V.05	-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.941.038.975	31.692.599.967
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		658.709.928.451	856.039.787.160
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		41.601.751.652	231.859.885.766
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		22.740.304.628	19.542.344.057
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	11.822.445.541
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213	V.06	-	178.035.219.008
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.07	18.861.447.024	22.434.877.160
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	(25.000.000)
II. Tài sản cố định	220		549.979.881.442	597.073.582.476
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	150.089.731.507	148.432.870.720
- Nguyên giá	222		230.719.308.378	233.236.840.667
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(80.629.576.871)	(84.803.969.947)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09	-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	38.603.856.943	56.723.079.427
- Nguyên giá	228		222.084.305.741	222.084.305.741
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(183.480.448.798)	(165.361.226.314)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	361.286.292.992	391.917.632.329
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12	-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-

IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		66.692.284.654	13.344.125.294
1. Đầu tư vào công ty con	251		17.000.000.000	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		27.000.000.000	9.800.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	22.920.784.654	3.544.125.294
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn (*)	259		(228.500.000)	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		436.010.703	13.62.193.624
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	399.705.583	7.787.626.420
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21	-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		36.305.120	5.374.567.204
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.034.036.482.875	1.275.60.926.016

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 320)	300		825.405.020.042	1.216.347.814.368
I. Nợ ngắn hạn	310		54.842.282.575	153.161.319.915
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	12.605.600.000	53.352.998.419
2. Phải trả người bán	312		8.770.335.526	20.443.960.289
3. Người mua trả tiền trước	313		5.510.884.638	36.360.361.073
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	1.068.981.534	2.490.881.329
5. Phải trả người lao động	315		3.195.361.133	1.354.200.274
6. Chi phí phải trả	316	V.17	12.540.337.873	13.207.954.729
7. Phải trả nội bộ	317		-	4.569.590.813
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	11.150.781.871	20.381.372.989
II. Nợ dài hạn	330		770.562.737.467	1.063.186.494.453
1. Phải trả dài hạn người bán	331		37.203.651	3.218.629.035
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19	-	222.029.086.431
3. Phải trả dài hạn khác	333		675.161.388.227	711.959.660.243
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	95.293.045.061	124.297.691.559
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21	-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		71.100.528	86.857.969
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	1.094.569.216
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		208.631.462.833	58.813.111.648
I. Vốn chủ sở hữu	410		208.324.576.348	49.247.954.327
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.22	100.000.000.000	45.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		82.168.018.000	(1.024.250.000)
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	(633.000.000)

5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		16.928.413.616	1.322.111.544
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		7.747.144.732	5.383.092.783
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		1.481.000.000	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		-	-
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		306.886.485	9.565.157.321
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		306.886.485	9.565.157.321
2. Nguồn kinh phí	432	V.23	-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430 = 300 + 400)	440		1.034.036.482.875	1.275.160.926.016

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài	24	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

TP. HCM, Ngày 31 tháng 12 năm 2007

Người lập biểu

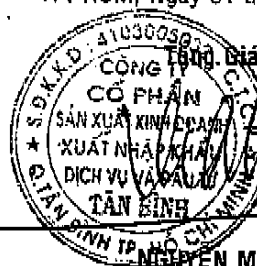


HÀ THỊ THU THẢO

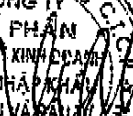
Kế toán trưởng



VƯƠNG THIÊN BÁU



Tổng Giám đốc



TÂN BÌNH

NGUYỄN MINH TÂM

CÔNG TY CP SXKD XNK DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH (TANIMEX)

Mẫu số B02-DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2007

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay
1	2	3	4
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	238.616.964.896
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.26	640.615.455
02)	10	VI.27	238.016.349.441
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	196.016.686.455
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		42.019.662.986
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	57.918.034.062
7. Chi phí tài chính	22	VI.30	14.115.951.246
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		12.109.418.006
8. Chi phí bán hàng	24		29.510.647.993
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		19.514.083.730
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25))	30		36.717.014.079
11. Thu nhập khác	31		614.252.534
12. Chi phí khác	32		617.382.361
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		3.129.827)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		36.713.884.252
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.31	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.32	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		36.713.884.252
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-

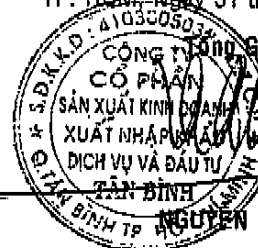
Người lập biểu

HÀ THỊ THU THẢO

Kế toán trưởng

VƯƠNG THIÊN BÁU

TP. HCM - Ngày 31 tháng 12 năm 2007



NGUYỄN MINH ÂM

CÔNG TY CP SXKD XNK DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH (TANIMEX)

Mẫu số B03-DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp trực tiếp)*

Năm 2007

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		187.710.740.046	128.614.380.820
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ (*)	02		(194.784.622.374)	(83.680.677.718)
3. Tiền chi trả cho người lao động (*)	03		(6.473.072.796)	(12.211.596.747)
4. Tiền chi trả lãi vay (*)	04		(5.789.889.856)	(1.184.133.254)
5. Tiền chi nộp thuế TNDN	05		(2.292.613.791)	(2.533.727.889)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		723.128.893.652	64.691.674.167
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh (*)	07		(688.497.345.373)	(17.728.396.815)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		13.002.089.506	75.967.522.434
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác (*)	21		(29.964.951.801)	(3.638.001.919)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		65.045.451	1.619.177.309
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác (*)	23		(305.067.505.721)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		16.593.634.562	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (*)	25		(51.856.149.366)	371.000.000
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		9.800.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		25.341.212.912	8.745.645.938
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(335.088.713.956)	7.097.821.268

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		165.074.746.000	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành (*)	32		(23.234.180.000)	(2.457.250.000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		12.238.762.152	13.233.458.136
4. Tiền chi trả nợ gốc vay (*)	34		(87.912.164.853)	(43.470.432.191)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính (*)	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu (*)	36		5.282.624.200	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		71.449.787.499	(32.694.224.055)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20 + 30 + 40)	50		(250.636.836.943)	50.371.119.647
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		280.595.550.994	230.224.431.347
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50 + 60 + 61)	70	VII.34	29.958.714.046	280.595.550.994

TP. HCM, Ngày 3 tháng 12 năm 2007

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





HÀ THỊ THU THẢO

VƯƠNG THIÊN BÁU

NGUYỄN MINH TÂM

CÔNG TY CP SXKD XNK DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH (TANIMEX)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2007

Đơn vị tính: VNĐ

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh: sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu, dịch vụ, đầu tư.

03. Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất hàng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp phục vụ tiêu dùng nội địa và xuất khẩu.
- Xuất khẩu hàng nông lâm thủy hải sản, hàng công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, rau quả và thực phẩm chế biến.
- Nhập khẩu nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị, hàng tiêu dùng, phụ liệu phụ tùng, vật liệu xây dựng, trang trí nội thất, phương tiện giao thông vận tải.
- Dịch vụ nhà hàng, khách sạn. Kinh doanh du lịch, lữ hành nội địa, quốc tế.
- Đầu tư và hợp tác sản xuất hàng xuất khẩu. Đầu tư và hợp tác xây dựng: nhà, xưởng sản xuất các mặt hàng để xuất khẩu.
- Sản xuất thuốc lá điếu. Mua bán thuốc lá điếu sản xuất trong nước. Sản xuất kinh doanh cây cầu lọc (thuốc lá điếu).
- Thi công xây dựng: các công trình dân dụng và công nghiệp, các công trình giao thông, cấp thoát nước và cây xanh (gồm mới và duy tu), các công trình thủy lợi, hệ thống chiếu sáng.
- Đại lý bán lẻ xăng, dầu, gas, nhớt và dầu mỡ, sang chiết gas.
- Kinh doanh kho hàng, xưởng sản xuất và giao nhận hàng. Khai thác và mua bán nước ngầm. Dịch vụ: thể dục, thể thao (sân tennis, hồ bơi và các loại hình thể dục, thể thao giải trí khác). Thu gom và vận chuyển rác.
- Sản xuất, gia công khung kèo thép, các sản phẩm cơ khí phục vụ sản xuất, xây dựng và tiêu dùng. Lắp dựng khung kèo thép. San lấp mặt bằng. Vận chuyển hàng hoá, đại lý vận tải. Mua bán vật tư phục vụ nuôi trồng thủy sản. Kinh doanh công viên cây xanh (trồng cây, chăm sóc cây xanh).
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà ở, siêu thị, cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp.
- Duy tu nạo vét cống rãnh. Cho thuê xe du lịch và xe tải. Mua bán lương thực, thực phẩm, quần áo, văn phòng phẩm, mỹ phẩm, hàng gia dụng, điện, điện tử, các mặt hàng nhu yếu phẩm.
- Sản xuất và mua bán nước tinh khiết. Sản xuất suất ăn công nghiệp. Đại lý bảo hiểm. Đại lý dịch vụ bưu chính viễn thông. Dịch vụ rửa xe. Kinh doanh vận chuyển hành khách theo hợp đồng. Mua bán các loại hoá chất (trừ hoá chất có tính độc hại mạnh), mỹ phẩm. Sản xuất, chế biến và mua bán các loại thực phẩm, thức ăn gia súc, thủy hải sản.
- Tư vấn du học, đào tạo dạy nghề. Mua bán thiết bị xử lý môi trường. Sửa chữa, bảo trì ô tô và xe cơ giới các loại. Tư vấn cung cấp giải pháp công nghệ và thi công các hệ thống xử lý nước thải, nước tinh khiết, rác, khí thải và các tác nhân gây ô nhiễm môi trường.

CÔNG TY CP SXKD XNK DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH (TANIMEX)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2007

Đơn vị tính: VNĐ

- Trồng rừng. Khai thác cát đen. Khai thác đất sét. Sản xuất gạch ngói và nguyên vật liệu xây dựng. Lập tổng dự toán và dự toán công trình. Tư vấn đấu thầu. Tư vấn đầu tư (tư vấn đầu tư tài chính). Lập dự án đầu tư. Thẩm tra thiết kế và dự toán.
- Khai thác và xử lý nước ngầm. Đại lý vé máy bay. Đầu tư xây dựng và cho thuê văn phòng. Gia công xuất khẩu ngành hàng giày dép, may mặc (không trồng rừng, khai thác: cát đen, đất sét, khoáng sản, gạch ngói, vật liệu xây dựng, chế biến thực phẩm tươi sống, khoáng sản, gia công giày dép, may mặc tại trù sở).
- Mua bán nguyên liệu thuốc lá và các loại vật tư, phụ liệu thuốc lá.
- Dịch vụ quảng cáo thương mại. Dịch vụ giao nhận hàng hoá xuất nhập khẩu và khai thuế hải quan.

04. Đặc điểm hoạt động của DN trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Kỳ kế toán năm:

Bắt đầu từ ngày 01/01/2007 đến ngày 31/12/2007.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Tiền đồng Việt Nam.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam theo quyết định 15/2006/QĐ-BTC của Bộ Tài Chính ban hành ngày 20/03/2006.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:

Công ty bảo đảm đã tuân thủ nghiêm túc và kịp thời các Chuẩn mực kế toán căn cứ vào các thông tư hướng dẫn của Bộ Tài Chính ban hành, đúng và đủ các qui định theo chế độ kế toán Việt Nam.

03. Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán.

Tiền để lập báo cáo tài chính là đồng Việt Nam, các nghiệp vụ phát sinh có thu bằng ngoại tệ khác được qui đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế của Ngân hàng đang giao dịch tại thời điểm phát sinh.

02. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Ghi nhận theo giá gốc.

CÔNG TY CP SXKD XNK DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH (TANIMEX)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2007

Đơn vị tính: VND

- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Áp dụng theo chuẩn mực kế toán số 02 - "Hàng tồn kho" của Bộ Tài chính ban hành.

03. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ và bất động sản đầu tư:

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình: Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua hoặc xây dựng tài sản cố định.
- Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình: Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản qua suốt thời gian hữu dụng ước tính.

04. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư:

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư: Ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư: Theo phương pháp đường thẳng.

05. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

- Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát: được ghi nhận theo giá gốc.
- Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn: được ghi nhận theo giá mua ban đầu trừ các khoản dự phòng thích hợp.
- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác: được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn:

06. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay:

- Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn để vốn hóa trong khoảng thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Chi phí vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- Tỷ lệ vốn hóa được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ;

07. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác:

- Chi phí trả trước: được ghi nhận khi các nghiệp vụ phát sinh đã hoàn thành, có chứng từ hợp lệ, tuân thủ nguyên tắc chi phí phù hợp với doanh số sẽ thu.
- Chi phí khác: được ghi nhận theo các nghiệp vụ thực tế phát sinh.
- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Theo phương pháp đường thẳng.

CÔNG TY CP SXKD XNK DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH (TANIMEX)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2007

Đơn vị tính: VND

- Phương pháp và thời gian phân bổ lợi thế thương mại: Theo quy định của chuẩn mực kế toán số 11 "Hợp nhất kinh doanh".

08. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

Căn cứ vào kế hoạch đầu tư, dự án đã được duyệt, chứng từ đã phát sinh, hợp đồng đã ký kết và khả năng thực hiện là khả thi.

09. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả: Không phát sinh.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

- Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu: Được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch đánh giá lại tài sản: Được ghi nhận trên cơ sở TSCĐ được đánh giá lại để xác định giá trị cổ phần hoá doanh nghiệp Nhà nước.

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá: Số chênh lệch tỷ giá thực tế và tỷ giá ghi sổ tại thời điểm ghi nhận.

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Là lãi từ các hoạt động của doanh nghiệp (-) trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

- Doanh thu bán hàng: được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn những rủi ro và lợi ích và quyền sở hữu hàng hoá đã được chuyển giao cho người mua.

- Doanh thu cung cấp dịch vụ: được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi dịch vụ đã được cung cấp.

- Doanh thu hoạt động tài chính: tuân thủ 2 điều kiện ghi nhận doanh thu theo chuẩn mực kế toán số 14 "Doanh thu và thu nhập khác".

- Doanh thu hợp đồng xây dựng: được ghi nhận theo tỷ lệ phần trăm hợp đồng đã được hoàn thành tại ngày lập bảng cân đối kế toán hoặc được ghi nhận theo khối lượng công việc hoàn thành khi mà kết quả công việc hoàn thành có thể ước tính một cách đáng tin cậy.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính: Ghi nhận theo số đã thực chi trả.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại:

Chi phí thuế TNDN hiện hành: được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại: được xác định trên những chênh lệch tạm thời.

14. Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái:

CÔNG TY CP SXKD XNK DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH (TANIMEX)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2007****Đơn vị tính: VNĐ**

Các khoản mục tiền có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch bình quân liên hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố.

15. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác.**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN:**

01. Tiền:	Cuối năm	Đầu năm
- Tiền mặt	4.436.074.193	7.842.608.482
- Tiền gửi ngân hàng	25.522.639.853	272.782.942.512
- Tiền đang chuyển	-	-
Cộng	29.958.714.046	280.595.550.994

02. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn:	Cuối năm	Đầu năm
- Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	-	-
- Đầu tư ngắn hạn khác	264.868.596.977	3.500.000.000
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	-
Cộng	264.868.596.977	3.500.000.000

03. Các khoản phải thu ngắn hạn khác:	Cuối năm	Đầu năm
- Phải thu về cổ phần hóa	-	-
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-
- Phải thu về người lao động	-	-
- Phải thu khác	39.028.274.520	4.456.734.473
Cộng	39.028.274.520	4.456.734.473

04. Hàng tồn kho	Cuối năm	Đầu năm
- Hàng mua đang đi trên đường	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu	-	1.938.988.009
- Công cụ, dụng cụ	-	25.277.133
- Chi phí SX, KD dở dang	29.592.203.428	27.314.676.815

CÔNG TY CP SXKD XNK DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH (TANIMEX)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2007****Đơn vị tính: VND**

- Thành phẩm	-	1.645.281.056
- Hàng hóa	4.017.717.858	9.481.420.172
- Hàng gửi đi bán	-	-
- Hàng hóa kho bảo thuế	-	-
- Hàng hóa bất động sản	-	-
Cộng giá gốc hàng tồn kho	33.609.921.286	40.605.643.185

* Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ phải trả:

* Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm:

* Các trường hợp hoặc sự kiện dẫn đến phải trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

05. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	Cuối năm	Đầu năm
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	-	-
- Thuế GTGT đầu ra hàng nhập khẩu nộp thừa	-	-
- Thuế xuất nhập khẩu nộp thừa	-	-
- Thuế TNDN nộp thừa	-	-
- Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	-	-
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất nộp thừa	-	-
- Các khoản khác phải thu Nhà nước	-	-
Cộng	-	-

06. Phải thu dài hạn nội bộ	Cuối năm	Đầu năm
- Cho vay dài hạn nội bộ	-	20.346.897.037
- Phải thu dài hạn nội bộ	-	157.738.321.971
Cộng	-	178.085.219.008

07. Các khoản phải thu dài hạn khác	Cuối năm	Đầu năm
--	-----------------	----------------

CÔNG TY CP SXKD XNK DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH (TANIMEX)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2007****Đơn vị tính: VNĐ**

- Ký quỹ, ký cược dài hạn	-	-
- Các khoản tiền nhận ủy thác	-	-
- Cho vay không có lãi	-	-
- Phải thu dài hạn khác	18.861.447.024	22.434.877.160
Cộng	18.861.447.024	22.434.877.160

CÔNG TY CP SXKD XNK DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH (TANIMEX)
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2007

Đơn vị tính: VNĐ

08. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cây lâu năm	TSCĐ HH khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình							
Số dư đầu năm	128.785.638.340	22.624.912.442	20.403.254.577	4.660.049.257	600.299.434	56.212.606.617	233.286.840.667
- Mua trong năm	28.335.175.579	-	3.031.719.758	729.916.533	-	-	32.096.811.870
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	22.803.883.017	-	-	-	1.916.149.657	21.810.988.116	46.531.020.790
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BDS đầu tư (*)	-	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán (*)	(19.009.080)	(397.492.680)	(1.248.762.000)	(591.974.568)	-	-	(2.257.230.328)
- Giảm khác (*)	(46.299.735.229)	(21.311.006.680)	(8.406.894.183)	(2.032.813.849)	-	(887.676.680)	(78.938.126.621)
Số dư cuối năm	133.605.952.627	916.413.082	13.779.318.152	2.765.177.373	2.516.449.091	77.135.908.053	230.719.308.378
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu năm	43.446.079.477	5.180.560.894	11.158.522.575	3.142.052.856	328.332.823	21.598.421.322	84.853.969.947
- Khấu hao trong năm	10.435.231.327	64.479.118	1.466.587.018	381.652.053	368.850.965	11.455.121.768	24.171.922.269

Thuyết minh này là bộ phận cấu thành của báo cáo từ trang 07 đến trang 14

CÔNG TY CP SXKD XNK DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH (TANIMEX)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2007****Đơn vị tính: VND**

- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BDS đầu tư (*)	-	-	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán (*)	(2.428.938)	(397.492.680)	(1.248.762.000)	(540.653.643)	-	-	(2.189.337.261)	
- Giảm khác (*)	(16.162.139.087)	(4.299.976.729)	(3.881.874.107)	(1.385.379.862)	-	(477.608.199)	(26.206.978.084)	
Số dư cuối năm	37.716.742.779	547.570.603	7.494.473.486	1.597.671.304	697.183.788	32.575.934.911	80.629.576.871	
Giá trị còn lại của TSCĐ HH								
- Tại ngày đầu năm	85.339.558.863	17.444.351.548	9.244.732.002	1.517.936.401	271.966.611	34.614.265.295	148.432.870.720	
- Tại ngày cuối năm	95.889.209.848	368.842.479	6.284.844.666	1.167.506.069	1.819.265.303	44.560.063.142	150.089.731.507	

* Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản vay:

* Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

* Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý:

* Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai:

* Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình:

CÔNG TY CP SXKD XNK DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH (TANIMEX)
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2007

Đơn vị tính: VND

09. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính:

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ HH khác	TSCĐ vô hình	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ thuê TC							
Số dư đầu năm	-	-	-	-	-	-	-
- Thuê tài chính trong năm	-	-	-	-	-	-	-
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính (*)	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác (*)	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu năm							-
- Khấu hao trong năm	-	-	-	-	-	-	-

CÔNG TY CP SXKD XNK DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH (TANIMEX)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2007

Đơn vị tính: VNĐ

- Mua lại TSCĐ thuế tài chính	-		-		-		-		-
- Tăng khác	-		-		-		-		-
- Trả lại TSCĐ thuế tài chính (*)	-		-		-		-		-
- Giảm khác (*)	-		-		-		-		-
Số dư cuối năm	-		-		-		-		-
Giá trị còn lại của TSCĐ thuế TC									
- Tại ngày đầu năm	-		-		-		-		-
- Tại ngày cuối năm	-		-		-		-		-

* Tiền thuế phát sinh thêm được ghi nhận là chi phí trong năm:

* Căn cứ để xác định tiền thuế phát sinh thêm:

* Điều khoản gia hạn thuế hoặc quyền được mua tài sản

CÔNG TY CP SXKD XNK DỊCH VỤ VÀ DẦU TỰ TÂN BÌNH (TANIMEX)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2007

Đơn vị tính: VND

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Lợi thế thương mại	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy vi tính	...	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình							
Số dư đầu năm	2.220.000.000	-	-	-	-	219.864.305.741	222.084.305.741
- Mua trong năm	-	-	-	-	-	-	-
- Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp	-	-	-	-	-	-	-
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán (*)	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác (*)	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	2.220.000.000	-	-	-	-	219.864.305.741	222.084.305.741
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu năm	629.491.615	-	-	-	-	164.731.734.699	165.361.226.314
- Khấu hao trong năm	44.400.000	-	-	-	-	18.216.187.602	18.260.587.602
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-

CÔNG TY CP SXKD XAK DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH (TANINEX)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2007

Đơn vị tính: VND

- Thanh lý, nhượng bán (*)	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác (*)	(141.365.118)	-	-	-	-	(141.365.118)
Số dư cuối năm	532.526.497	-	-	-	-	182.947.922.301
Giá trị còn lại của TSCĐ VH						
- Tại ngày đầu năm	1.590.508.385	-	-	-	-	55.132.571.042
- Tại ngày cuối năm	1.687.473.503	-	-	-	-	36.916.383.440
						38.603.856.943

* Thuyết minh số liệu và giải trình khác:

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

- Tổng số chi phí XD CB dở dang

361.286.292.992 391.917.632.329

Trong đó (Những công trình lớn):

+ Công trình XD CB KCN Đông Thạnh HM	441.446.364	441.446.364
+ Công trình dự án TTMM Chợ Tân Bình	321.703.984	321.703.984
+ Công trình TTMM Ngã Tư Ga	579.849.818	55.611.873
+ Công trình 201 - 203 Lý Thường Kiệt	333.983.290	59.680.000
+ Công trình 89 Lý Thường Kiệt	831.482.728	-
+ Công trình Ao Đồi	-	1.136.793.258

Thuyết minh này là bộ phận cấu thành của báo cáo từ trang 07 đến trang 14

CÔNG TY CP SXKD XNK DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH (TANMEX)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2007

Đơn vị tính: VND

+ KCN Tân Bình	12.382.221.259	35.753.971.991
+ KCN Mỏ Rồng	23.152.722.480	3.362.043.040
+ Khu dân cư phụ trợ KCN	114.967.723.157	105.764.561.448
+ Nhóm chung cư Tây Thạnh	85.881.572.840	111.089.676.832
+ Nhóm chung cư Sơn Kỳ	79.672.496.722	99.315.596.932
+ Khu xưởng cho thuê	-	10.395.069.491
+ Nhà máy gạch Long An	38.359.388.095	18.418.680.583
+ Công trình TTC	4.361.702.255	2.963.788.508
+ Công trình cụm kho 2 nhóm CN1	-	584.141.488
+ Hồ bơi KCN Tân Bình	-	2.236.924.760
+ Văn phòng xưởng bao bì	-	17.941.777

12. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm
Nguyên giá bất động sản đầu tư	-	-	-
- Quyền sử dụng đất	-	-	-
- Nhà	-	-	-

CÔNG TY CP SXKD XNK DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH (TANIMEX)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2007

Đơn vị tính: VND

- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-
- Quyền sử dụng đất	-	-	-
- Nhà	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-
Giá trị còn lại BBS đầu tư	-	-	-
- Quyền sử dụng đất	-	-	-
- Nhà	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-

* Thuyết minh số liệu và giải trình khác:

CÔNG TY CP SXKD XNK DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH (TANIMEX)
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2007

Đơn vị tính: VND

13. Đầu tư tài chính dài hạn khác:		
	Cuối năm	Đầu năm
- Đầu tư cổ phiếu	3.642.005.294	3.284.125.294
- Đầu tư trái phiếu	255.000.000	260.000.000
- Đầu tư tín phiếu, kỳ phiếu	-	-
- Đầu tư dài hạn khác	19.023.773.360	-
Cộng	22.920.784.654	3.544.125.294
(*) : Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		

14. Chi phí trả trước dài hạn:		
	Cuối năm	Đầu năm
- Chi phí hồ bơi KCN	396.443.083	476.145.543
- Thành phẩm chần gián giáo	-	194.478.554
- Thành phẩm chéo gián giáo	-	139.948.765
- Thành phẩm mâm chống thép	-	12.010.956
- Thành phẩm cây chống thép	-	321.784.929
- Thành phẩm Coffa tole	-	223.427.274
- Trữ biến thể văn phòng xí nghiệp	-	103.257.103
- Chi phí trang bị dụng cụ khách sạn	3.262.500	-
- Chi phí khác	-	6.316.573.296
Cộng	399.705.583	7.787.626.420

15. Vay và nợ ngắn hạn		
	Cuối năm	Đầu năm
- Vay ngắn hạn	12.605.600.000	53.852.998.419
- Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
Cộng	12.605.600.000	53.852.998.419

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		
	Cuối năm	Đầu năm
- Thuế GTGT đầu ra	855.184.263	663.400.375

Thuyết minh này là bộ phận cấu thành của báo cáo tài chính 07 đến trang 14

Trang 30

CÔNG TY CP S-KD XNK DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH (TANIMEX)
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2007

Đơn vị tính: VND

17. Chi phí phải trả			Cuối năm	Đầu năm
Cộng			1.068.981.534	2.490.881.329
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu		-		
- Thuế tiêu thụ đặc biệt		-		
- Thuế xuất, nhập khẩu		-		
- Thuế thu nhập doanh nghiệp		-		1.788.036.211
- Thuế thu nhập cá nhân		-	108.664.821	39.444.743
- Thuế tài nguyên		-		
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất		-	105.132.450	
- Các loại thuế khác		-		
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		-		

- Chi chi tiền thuê đất		234.920.651		-	
- Chi chi thiết kế công trình Đào Tiên		71.353.235		-	
- Phí thuê đất, duy tu cụm 2 CN3 & cụm 6 CN2		-		2.325.039.275	
- Chi chi duy tu, bảo dưỡng		10.569.782.873		10.569.782.873	
- Chi chi tiền điện, điện thoại		-		6.858.695	
- Trích trước trả tức phải trả của trái phiếu thường (LS: 8,5%/năm)		1.970.555.000		-	
Công		12.540.337.873		13.207.954.729	

18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

- Tài sản thừa chờ giải quyết		-		-	
- Kinh phí công đoàn		52.876.110		223.769.442	
- Bảo hiểm xã hội		1.350.000		24.780.141	
- Bảo hiểm y tế		149.655.350		153.212.604	
- Phải trả về cổ phần hóa		-		-	
- Nhện kỳ quỹ, kỳ cuộc ngắn hạn		-		-	

Thuyết minh này là bộ phận cấu thành của báo cáo từ trang 07 đến trang 14

Trang 31

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2007 Đơn vị tính: VND

- Doanh thu chưa thực hiện	10.946.900.411	20.479.610.802
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	11.150.781.871	20.881.372.989
Cộng		

19. Phải trả dài hạn nội bộ	Cuối năm	Đầu năm
- Vay dài hạn nội bộ	-	-
- Phải trả dài hạn nội bộ khác	-	-
Cộng		

20. Vay và nợ dài hạn	Cuối năm	Đầu năm
------------------------------	-----------------	----------------

a. Vay dài hạn	95.293.045.061	#####
- Vay ngắn hạn	72.110.045.061	110.468.591.559
- Vay đối tượng khác	-	-
- Trái phiếu phát hành	23.183.000.000	13.829.100.000
b. Nợ dài hạn	-	-
- Thuế tài chính	-	-
- Nợ cái hạn khác	-	-
Cộng	95.293.045.061	124.297.691.559

- Các khoản nợ thuế tài chính

	Năm nay	Năm trước
Thời hạn	Tổng khoản thanh toán	Tổng khoản thanh toán
	tiền thuế tài chính	tiền thuế tài chính
	Trả tiền lãi thuế	Trả nợ gốc
	Trả tiền lãi thuế	Trả nợ gốc
Dưới 1 năm	-	-
Từ 1 - 5 năm	-	-
Trên 5 năm	-	-

Thuyết minh này là bộ phận cấu thành của báo cáo từ trang 07 đến trang 14

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2007

Đơn vị tính: VND

21. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
Cuối năm	Đầu năm	
-	-	- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ
-	-	- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng
-	-	- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản ưu đãi tính thuế chưa sử dụng
-	-	- Khoản hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước
-	-	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại
b. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:		
Cuối năm	Đầu năm	
-	-	- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế
-	-	- Khoản hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước
-	-	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

CÔNG TY CP SXKD XNK DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH (TANIMEX)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2007

Đơn vị tính: VNĐ

22. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Cộng
A	1	2	3	4	5	6	7
Số dư đầu năm trước	45.000.000.000	-	-	1.622.111.544	4.663.095.271	-	51.285.206.815
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	419.997.512	-	419.997.512
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong năm trước (*)	-	(1.824.250.000)	(633.000.000)	-	-	-	(2.457.250.000)
- Lỗ trong năm trước (*)	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác (*)	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	45.000.000.000	(1.824.250.000)	(633.000.000)	1.622.111.544	5.083.092.783	-	49.247.954.327

Số dư đầu năm nay	45.000.000.000	(1.824.250.000)	(633.000.000)	1.622.111.544	5.083.092.783	-	49.247.954.327
- Tăng vốn trong năm nay	55.000.000.000	-	-	15.342.292.287	2.672.698.996	1.532.000.000	74.546.991.283
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	84.085.546.000	633.000.000	-	-	-	84.718.546.000
- Giảm vốn trong năm nay (*)	-	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm nay (*)	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác (*)	-	(93.278.000)	-	(35.990.215)	(8.647.047)	(51.000.000)	(188.915.262)
Số dư cuối năm nay	100.000.000.000	82.168.018.000	-	16.928.413.616	7.747.144.732	1.481.000.000	208.324.576.348

h. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm	Đầu năm
- Vốn góp của Nhà nước	23.110.010.000	23.110.010.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	76.889.990.000	21.889.990.000

Cộng	100.000.000.000	45.000.000.000
-------------	------------------------	-----------------------

* Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm	43.234.180.000	-
---	----------------	---

* Số lương cổ phiếu quy	-	63.300
-------------------------	---	--------

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	-	-
+ Vốn góp đầu năm	21.889.990.000	-

+ Vốn góp tăng trong năm	55.000.000.000	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	2.700.000.000	-

d. Cổ tức	Cuối năm	Đầu năm
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm	10.700.000.000	2.623.500.000
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	10.700.000.000	2.623.500.000
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận	-	-

d. Cổ phiếu	Cuối năm	Đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành	7.688.999	-
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	7.688.999	2.188.999
+ Cổ phiếu phổ thông	7.688.999	2.188.999
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	63.300
+ Cổ phiếu phổ thông	-	63.300
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.688.999	2.125.699

+ Cổ phiếu phổ thông	7.688.999	2.125.699
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành

10.000 10.000

e. Các quỹ của doanh nghiệp:

Cuối năm Đầu năm

- Quỹ đầu tư phát triển	16.928.413.616	1.622.111.544
- Quỹ dự phòng tài chính	7.747.144.732	5.083.092.783
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.481.000.000	-

*** Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp**

Quỹ dự phòng tài chính: được trích lập để sử dụng vào các mục đích sau:

- + Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh.
- + Bù đắp khoản lỗ của Công ty (nếu xảy ra) theo Quyết định của Hội đồng quản trị.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi: chi khen thưởng CBCNV trong Công ty và chi ủng hộ các đoàn thể ban ngành bên ngoài Công ty.

g. Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào Vốn chủ sở hữu theo qui định của các chuẩn mực kế toán cụ thể.

23. Nguồn kinh phí

Năm nay Năm trước

- Nguồn kinh phí được cấp trong năm	-	-
- Chi sự nghiệp (*)	-	-
- Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	-	-

24. Tài sản thuế ngoài**Cuối năm****Đầu năm**

(1) - Giá trị tài sản thuế ngoài

- TSCĐ thuế ngoài

- Tài sản khác thuế ngoài

(2) - Tổng số tiền thuế lũy thiếu trong tương lai của hợp đồng thuế hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn

- Từ 1 năm trở xuống

- Trên 1 năm đến 5 năm

- Trên 5 năm

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2007

Đơn vị tính: VND

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****25. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 01)**

Trong đó:

- Doanh thu bán hàng	217.378.874,288	87.309.354,076
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	21.308.090,608	16.300.053,859

- Doanh thu hợp đồng xây dựng (đối với DN có hoạt động xây lắp)

-	-	13.816.581,666
---	---	----------------

+ DT của HBXD được ghi nhận trong kỳ;

-	-	-
---	---	---

+ Tổng DT lũy kế của HBXD được ghi nhận đến thời điểm lập BC

-	-	-
---	---	---

26. Các khoản giảm trừ doanh thu (Mã số 02)

Trong đó:

- Chiết khấu thương mại	-	-
- Giảm giá hàng bán	172.825,455	-
- Hàng bán bị trả lại	467.790,000	-
- Thuế GTGT phải nộp (phương pháp trực tiếp)	-	-
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-
- Thuế xuất khẩu	-	-

27. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 10)

Trong đó:

- Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm, hàng hóa	216.738.258,833	101.125.935,742
- Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ	21.308.090,608	16.300.053,859

28. Giá vốn hàng bán (Mã số 11)

- Giá vốn của hàng hóa đã bán	186.809.567,106	83.769.068,200
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	8.535.256,712	10.395.098,308

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2007

Đơn vị tính: VND

Cộng	
- Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư	671.862.637
- Các khoản chi phí vượt mức bình thường	7.867.459.713
	102.031.626.221

29. Doanh thu hoạt động tài chính (Mã số 21)

Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	24.954.577.311
- Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	21.200.000
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	386.635.604
- Lãi dân ngoại tệ	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	450.969.618
- Lãi bán hàng trả chậm	2.379.036.001
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	32.154.651.529
	35.817.860.725
Cộng	
	57.968.034.062
	47.553.455.677

30. Chi phí tài chính (Mã số 22)

Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	6.576.027.335
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-
- Lãi thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-
- Lãi do bán ngoại tệ	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	342.121.199
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	228.500.000
- Chi phí tài chính khác	6.999.128.312
	26.542.981.621
Cộng	
	14.145.776.846
	33.701.379.584

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2007

Đơn vị tính: VND

31. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (Mã số 51)		
Năm nay	Năm trước	
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	1.872.053.020
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
- Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	-	1.872.053.020

32. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (Mã số 52)		
Năm nay	Năm trước	
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	-
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nhập tài sản thuế	-	-
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ (*)	-	-
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng (*)	-	-
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nhập thuế thu nhập hoãn lại phát trả (*)	-	-
- Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-

33. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố		
Năm nay	Năm trước	
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.759.330.402	17.376.965.729
- Chi phí nhân công	11.480.521.696	9.423.674.747
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.915.257.315	3.398.213.262
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.164.171.901	3.731.343.980
- Chi phí khác bằng tiền	8.805.450.409	7.627.555.040
Cộng	49.124.731.723	41.557.752.758

BẢN THUYẾT MINH BẢO CAO TÀI CHÍNH

Năm 2007

Đơn vị tính: VND

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢO CAO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

34. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến bảo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do DN nắm giữ nhưng không được sử dụng

a. Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính:

- Mua DN thông qua phát hành cổ phiếu:

- Chuyển nợ thành vốn chủ sở hữu:

b. Mua và thanh lý công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác trong kỳ báo cáo.

- Tổng giá trị mua hoặc thanh lý:

+ Tổng giá trị mua

+ Tổng giá trị thanh lý

- Phần giá trị mua hoặc thanh lý được thanh toán bằng tiền và các khoản tương đương tiền;

+ Tổng giá trị mua

+ Tổng giá trị thanh lý

- Số tiền và các khoản tương đương tiền thực có trong công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác được mua hoặc thanh lý;

+ Công ty Phát Triển Hà Tăng KCN Tây Ninh

- Phần giá trị tài sản (Tổng hợp theo từng loại tài sản) và nợ phải trả không phải là tiền và các khoản tương đương tiền trong công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác được mua hoặc thanh lý trong kỳ.

c. Trình bày giá trị và lý do của các khoản tiền và tương đương tiền lớn do DN nắm giữ nhưng không được sử dụng do có sự hạn chế của pháp luật hoặc các ràng buộc khác mà DN phải thực hiện.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

GNA :400 JA u00

1- Nhữnq; khỏan nđ tiếm táng, khỏan cam kết và nhữnq; thng tin tài chính khác:

- 2- Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kế toán năm:
- 3- Thông tin về các bên liên quan:
- 4- Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận (theo lĩnh vực kinh doanh hoặc khu vực địa lý) theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 "Báo cáo bộ phận": (chỉ áp dụng cho công ty niêm yết)
- 5- Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trong báo cáo tài chính của các niên độ kế toán trước):
- 6- Thông tin về hoạt động liên tục:
- 7- Những thông tin khác:

LƯỢNG THIÊN BẠ

WAT HNIM KEBON

TPHCM, Ngày 31 tháng 12 năm 2007

